

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số /TB-CDSP ngày /5/2026 của Hiệu trưởng
trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu)

1. Danh sách ngành đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh	Đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Số văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Ngày ban hành văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo từ xa
1	Giáo dục mầm non	51140201	181/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	13/01/2004	5935/QĐ-BGĐT	22/12/2010	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2004	2025		0			0

2. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian và thỉnh giảng

2.1. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian:

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/tuần)
1	Bùi Quang	19/09/1977	030077005700		Nam	15/10/2003	HĐLĐ				Tiến sĩ	Văn học			0

															Thời gian
	Trường						không XĐTH					Việt Nam			
2	Nguyễn Văn Hào	22/04/1978	014078009022		Nam	01/06/2012	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Công nghệ thông tin			0
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	27/10/1982	077182007134		Nữ	01/09/2006	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Triết học			0
4	Phạm Phi Hùng	10/05/1977	040077022254		Nam	01/12/2003	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất			0
5	Nguyễn Thanh Hà	18/09/1981	015181007203		Nữ	01/12/2005	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Kế toán			0
6	Nguyễn Thị Minh Ngọc	03/01/1982	037182013697		Nữ	01/02/2005	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Hoá học			0
7	Nguyễn Thị Mai Hoa	28/04/1977	040177025872		Nữ	01/11/2003	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Khoa học giáo dục			0
8	Võ Thị Hoài Hương	22/08/1985	077185002436		Nữ	01/03/2011	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non			0
9	Phạm Ngọc Nguyên	24/10/1986	077186002756		Nữ	01/12/2009	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Kế toán			0
10	Nguyễn Diễm Nhung	17/01/1976	086176000491		Nữ	01/03/2006	HĐLĐ không XĐTH				Đại học	Kỹ thuật nữ công			0
11	Trần Thu Hiền	17/10/1979	036179011516		Nữ	01/11/2005	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Tâm lý học			0
12	Nguyễn Thị Mỹ Dung	19/10/1978	042178010406		Nữ	01/11/2005	HĐLĐ không XĐTH				Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản			0

															Thời gian
13	Triệu Thị Thu Hiền	11/05/1982	046182000146	Nữ	01/04/2007	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học				0
14	Trần Minh Hiếu	20/08/1982	077082009729	Nam	01/09/2006	HĐLĐ không XĐTH				Đại học	Vật lý kỹ thuật				
15	Nguyễn Thị Hồng Lam	05/10/1979	045179005062	Nữ	01/03/2005	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Tâm lý học				0
16	Nguyễn Thị Duyên	23/12/1987	042187000442	Nữ	01/08/2012	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng				0
17	Trần Thị Thanh Tú	22/04/1983	046183000430	Nữ	01/03/2006	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh				0
18	Lương Hồ Vũ	18/10/1979	077079000537	Nam	01/08/2017	HĐLĐ không XĐTH				Đại học	Giáo dục Thể chất				0
19	Đào Thị Hiền	20/08/1977	033177006103	Nữ	01/01/2003	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục				0
20	Nguyễn Đăng Lục	20/07/1983	077083005074	Nam	01/11/2005	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao				0
21	Trần Thị Thúy Hà	05/10/1983	091183000107	Nữ	01/04/2007	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non				0
22	Nguyễn Huy Phương	12/08/1981	038081011232	Nam	15/10/2003	HĐLĐ không XĐTH				Tiến sĩ	Chính trị học				0
23	Trần Thị Hải Yến	25/05/1981	040181011334	Nữ	01/03/2005	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non				
24	Nguyễn Thị Huyền Nhi	01/04/1972	045172000222	Nữ	01/09/1995	HĐLĐ không				Thạc sĩ	Giáo dục Đặc biệt				0

																Thời gian
							XĐTH									
25	Nguyễn Thị Thanh Diệu	20/02/1982	052182002908	Nữ	01/04/2007	HĐLĐ không XĐTH					Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh				0
26	Bé Thị Hồng	17/09/1988	024188000623	Nữ	01/09/2018	HĐLĐ không XĐTH					Thạc sĩ	Quản lý công				0
27	Trần Thị Mai Nhi	02/09/1980	042180000350	Nữ	01/09/2006	HĐLĐ không XĐTH					Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non				0
28	Lê Hoài Thu	27/04/1985	075185005328	Nữ	01/08/2017	HĐLĐ không XĐTH					Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non				0
29	Võ Thị Xuân Trâm	06/05/1985	052185011247	Nữ	01/12/2017	HĐLĐ không XĐTH					Thạc sĩ	Đông phương học				0
30	Khương Thị Bích Diệp	04/06/1975	034175009998	Nữ	01/09/1997	HĐLĐ không XĐTH					Tiến sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh				0
31	Nguyễn Khắc Thiện	09/10/1978	038078000691	Nam	01/04/2004	HĐLĐ không XĐTH					Thạc sĩ	Công nghệ thông tin				0
32	Nguyễn Thị Huyền	15/05/1982	040182002103	Nữ	01/09/2021	HĐLĐ không XĐTH					Thạc sĩ	Văn học				0
33	Lê Thị Bích Mai	18/08/1982	060182005125	Nữ	01/04/2007	HĐLĐ không XĐTH					Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học				0
34	Phạm Văn Hiếu	16/09/1968	079068024093	Nam	15/10/2003	HĐLĐ không XĐTH					Thạc sĩ	Tâm lý học				0

															Thời gian
35	Trần Thị Bích Huyền	28/07/1987	077187005520	Nữ	01/08/2012	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non				0
36	Biền Thị Hoàng Anh	05/08/1982	044182003766	Nữ	01/07/2008	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Địa lý học				0
37	Lê Kim Lộc	06/03/1970	077170002496	Nữ	01/03/2005	HĐLĐ không XĐTH				Đại học	Âm nhạc				0
38	Lê Thị Trung	01/03/1975	038175005722	Nữ	01/09/1999	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học				
39	Nguyễn Công Long	19/07/1981	040081018728	Nam	01/11/2005	HĐLĐ không XĐTH				Tiến sĩ	Công nghệ thông tin				
40	Phùng Thị Sinh	11/11/1976	001176012611	Nữ	01/12/1997	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh				
41	Nguyễn Thị Lan	21/12/1983	030183015274	Nữ	01/09/2006	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Hoá học				0
42	Ngô Thị Vân Anh	06/06/1975	044175000830	Nữ	01/08/2009	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học				0
43	Nguyễn Thị Nhung	17/09/1984	036184017487	Nữ	12/09/2014	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Nhật				0
44	Hoàng Thị Minh	20/11/1987	040187000937	Nữ	01/03/2011	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Chính trị học				0
45	Nguyễn Văn Kiên	29/05/1982	036082015690	Nam	01/04/2007	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Chính trị học				0

															Thời gian
46	Nguyễn Văn Tráng	26/02/1976	033076005982	Nam	01/03/2005	HĐLĐ không XĐTH				Thạc sĩ	Chính trị học				0

2.1.1. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành	Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Giáo dục mầm non		
							51140201		
1	Bùi Quang Trường	19/09/1977	030077005700	Văn học Việt Nam		Tiến sĩ	70	1	70
2	Nguyễn Văn Hào	22/04/1978	014078009022	Công nghệ thông tin		Thạc sĩ	100	1	100
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	27/10/1982	077182007134	Triết học		Thạc sĩ	100	1	100
4	Phạm Phi Hùng	10/05/1977	040077022254	Giáo dục Thể chất		Thạc sĩ	100	1	100
5	Nguyễn Thị Mai Hoa	28/04/1977	040177025872	Khoa học giáo dục		Thạc sĩ	100	1	100
6	Võ Thị Hoài Hương	22/08/1985	077185002436	Giáo dục Mầm non		Thạc sĩ	100	1	100
7	Nguyễn Diễm Nhung	17/01/1976	086176000491	Kỹ thuật nữ công		Đại học	35	1	35
8	Trần Thu Hiền	17/10/1979	036179011516	Tâm lý học		Thạc sĩ	100	1	100
9	Nguyễn Thị Mỹ Dung	19/10/1978	042178010406	Nuôi trồng thủy sản		Tiến sĩ	100	1	100
10	Triệu Thị Thu Hiền	11/05/1982	046182000146	Giáo dục Tiểu học		Thạc sĩ	100	1	100
11	Nguyễn Thị Hồng Lam	05/10/1979	045179005062	Tâm lý học		Thạc sĩ	100	1	100

		Ngày,	Số CMTND/ CCSSM/A		Chức danh		Trọng số tham gia giảng dạy các ngành	Tổng số	Tổng
12	Luong Hồ Vũ	18/10/1979	077079000537	Giáo dục Thể chất		Đại học	100	1	100
13	Đào Thị Hiền	20/08/1977	033177006103	Tâm lý học giáo dục		Thạc sĩ	100	1	100
14	Nguyễn Đăng Lực	20/07/1983	077083005074	Quản lý thể dục thể thao		Thạc sĩ	25	1	25
15	Trần Thị Thúy Hà	05/10/1983	091183000107	Giáo dục Mầm non		Thạc sĩ	100	1	100
16	Nguyễn Huy Phương	12/08/1981	038081011232	Chính trị học		Tiến sĩ	100	1	100
17	Trần Thị Hải Yến	25/05/1981	040181011334	Giáo dục Mầm non		Thạc sĩ	75	1	75
18	Nguyễn Thị Huyền Nhi	01/04/1972	045172000222	Giáo dục Đặc biệt		Thạc sĩ	100	1	100
19	Nguyễn Thị Thanh Diệu	20/02/1982	052182002908	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh		Thạc sĩ	50	1	50
20	Trần Thị Mai Nhi	02/09/1980	042180000350	Giáo dục Mầm non		Thạc sĩ	100	1	100
21	Lê Hoài Thu	27/04/1985	075185005328	Giáo dục Mầm non		Thạc sĩ	100	1	100
22	Khương Thị Bích Diệp	04/06/1975	034175009998	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh		Tiến sĩ	100	1	100
23	Nguyễn Khắc Thiện	09/10/1978	038078000691	Công nghệ thông tin		Thạc sĩ	75	1	75
24	Nguyễn Thị Huyền	15/05/1982	040182002103	Văn học		Thạc sĩ	100	1	100
25	Lê Thị Bích Mai	18/08/1982	060182005125	Lý luận và phương pháp dạy học		Thạc sĩ	35	1	35
26	Phạm Văn Hiếu	16/09/1968	079068024093	Tâm lý học		Thạc sĩ	100	1	100
27	Trần Thị Bích Huyền	28/07/1987	077187005520	Giáo dục Mầm non		Thạc sĩ	100	1	100
28	Biên Thị Hoàng Anh	05/08/1982	044182003766	Địa lý học		Thạc sĩ	100	1	100

		Ngày,	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu		Chức danh		Trọng số tham gia giảng dạy các ngành	Tổng số	Tổng
29	Lê Kim Lộc	06/03/1970	077170002496	Âm nhạc		Đại học	100	1	100
30	Lê Thị Trung	01/03/1975	038175005722	Giáo dục Tiểu học		Thạc sĩ	75	1	75
31	Nguyễn Công Long	19/07/1981	040081018728	Công nghệ thông tin		Tiến sĩ	35	1	35
32	Phùng Thị Sinh	11/11/1976	001176012611	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh		Thạc sĩ	100	1	100
33	Ngô Thị Vân Anh	06/06/1975	044175000830	Lý luận và phương pháp dạy học		Thạc sĩ	100	1	100
34	Hoàng Thị Minh	20/11/1987	040187000937	Chính trị học		Thạc sĩ	100	1	100
35	Nguyễn Văn Kiên	29/05/1982	036082015690	Chính trị học		Thạc sĩ	65	1	65
36	Nguyễn Văn Tráng	26/02/1976	033076005982	Chính trị học		Thạc sĩ	100	1	100

2.1.2. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Thạc sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ
-----	-----------	-----------------------	--------------------------	--------------------	--------------------	----------

2.1.3. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Tiến sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ
-----	-----------	-----------------------	--------------------------	--------------------	--------------------	----------

2.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng:

STT	Họ và tên	Ngày, tháng,	Số CMTND/ CCCD/ hộ	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển	Thời hạn hợp	Ngày bắt	Ngày kết	Chức danh	Trình độ	Chuyên môn	Mã ngành	Tên ngành	Thời gian
-----	-----------	--------------	--------------------	-----------	-----------	-----------	--------------	----------	----------	-----------	----------	------------	----------	-----------	-----------

		năm sinh	chiều			dụng/ ký hợp đồng	đồng	đầu hợp đồng	thúc hợp đồng	khoa học		được đào tạo	tham gia ĐTTX	tham gia ĐTTX	(số giờ TB tham gia ĐTTX/ tuần)
--	--	----------	-------	--	--	----------------------	------	--------------------	---------------------	-------------	--	-----------------	---------------------	---------------------	--

2.2.1. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Đại học

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ
-----	-----------	-----------------------------	--------------------------------	--------------------	-----------------------	----------

2.2.2. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Thạc sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ
-----	-----------	-----------------------------	--------------------------------	--------------------	-----------------------	----------

2.2.3. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Tiến sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ
-----	-----------	-----------------------------	--------------------------------	--------------------	-----------------------	----------

3. Danh sách cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/ CCCD/ Hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành đại học	Thời gian quản lý, hỗ trợ chuyên trách về ĐTTX	Địa chỉ quản lý, hỗ trợ ĐTTX tại cơ sở đào tạo/ các trạm ĐTTX
-----	-----------	-----------------------------	--------------------------------	--------------	--------------	---	----------------------------	-----------------------------	-------------	----------------------------------	---------------------------	---	--

4. Công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng

4.1. Cơ sở đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

Số quyết định	Ngày quyết định	Tổ chức công nhận
---------------	-----------------	-------------------

10/QĐ-TTKĐ	20/03/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
------------	------------	--

4.2. Chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

STT	Tên ngành đào tạo có chương trình đào tạo được công nhận kiểm định	Mã ngành đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Ngày QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Tên tổ chức công nhận kiểm định
-----	--	------------------	--------------------------------------	--	---------------------------------

5. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh)
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	511	68	69	101	0
1.1	Đào tạo giáo viên	511402	68	69	101	0
1.1.1	Giáo dục mầm non	51140201	68	69	101	90
	Tổng		68	69	101	0